

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 11/12/2020

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 42

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Chúng tôi giảng tiếp phần nội dung của tiết học trước.

“Bất kể chúng khổ, thiếu dục tri túc”

Bị bức não thân tâm thì gọi là khổ, khổ khiến thân tâm của bạn chẳng an, có câu nói như sau, nói là “tám khổ thay nhau giày vò”, tám mỗi khổ nào vậy?

Thứ nhất là sanh khổ, tức là nỗi khổ đau lúc mới chào đời. Thứ hai là lão khổ, tức là nỗi thống khổ khi thân thể suy yếu lúc về già. Thứ ba là bệnh khổ, tức là nỗi khổ lúc bệnh hoạn. Thứ tư là tử khổ, tức là thống khổ lúc sắp chết. Năm là ái biệt ly khổ, tức là sự thống khổ khi xa cách người mình yêu mến. Thứ sáu là oán tắng hội khổ, tức là thống khổ khi đối mặt với kẻ thù. Thứ bảy là cầu bất đắc khổ, tức là sự thống khổ khi mong cầu không toại nguyện. Tám là ngũ ấm xí thành khổ, tức là tác dụng thiêu đốt hừng hực của ngũ ấm, che lấp chân tánh, không cho hiển phát, nên sau khi chết lại phải tái sanh. Mọi người hãy nghĩ kỹ xem, tám mỗi khổ này liệu người nào có thể thoát khỏi? Pháp Tạng đại sĩ đối với hết thảy khổ đều không tính toán, ngài phát nguyện, dù cho thân ở trong các khổ, nguyện tâm như vậy mãi không thoái, chính là không toan tính đến những nỗi khổ này.

“Thiếu dục”, kinh Niết-bàn nói chính là không mong cầu nhiều. “Tri túc” nghĩa là tuy có ít nhưng vẫn không phiền giận. Kinh Di Giáo nói: “Người hành hạnh thiếu dục thì tâm坦然 nhiên”, không có tham cầu, cũng không có sợ hãi và lo lắng. Lại nói, “người thiếu dục thì sẽ được Niết-bàn”, nếu dục vọng của bản thân rất nhiều, đối với thế gian vẫn còn đủ mọi tham luyến, vẫn là thiếu tâm xuất ly thì sao có thể nói đến Niết-bàn được. Tri túc, “tỳ-kheo các ông, nếu muốn thoát ly khổ não, thì phải quán tri túc, pháp tri túc chính là nơi an ổn sung túc, người biết đủ tuy nằm trên đất mà vẫn an lạc, người không biết đủ, dù ở Thiên đường cũng không vừa

ý”. Kinh Pháp Hoa nói: “Người thiếu đức tri túc, có thể tu hạnh Phổ Hiền”. Có thể thấy đối với thiếu đức tri túc vạn phần không thể xem thường.

“Chuyên cầu bạch pháp”

Đại Thừa Nghĩa Chương nói: “Thiền pháp thanh tịnh, nên gọi là bạch”. Thế nên “bạch pháp” chính là thiền pháp thanh tịnh trong sáng. Chuyên cầu thiền pháp, cầu pháp thanh tịnh trong sáng lia lổ làm để lợi lạc quần sanh, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật thì gọi là “huệ lợi quần sanh”.

“Chí nguyện vô quyện”

Phần sau cùng của đại nguyện trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đều là niệm niệm tương tục, không có gián đoạn, các nghiệp thân ngữ ý đều không mỗi một chán nản. Vô quyện chính là không mỗi một chán nản.

“Nhẫn lực thành tựu”

Nhẫn lực chỉ cho lực dụng của nhẫn nhục độ trong lục độ. Sư Pháp Trụ nói rằng: nhẫn có ba loại. Thứ nhất là an khổ nhẫn, đối với những chuyện nghịch duyên trong thế gian có thể nhẫn, có thể chịu. Thứ hai là tha bất nhiều ích nhẫn, đối với việc người khác hãm hại tổn thương chính mình cũng có thể nhẫn chịu. Thứ ba là pháp tư duy nhẫn, đối với pháp không phân biệt, đối với hết thảy pháp đều xa lìa phân biệt, như vậy mà an trụ, đó là đệ tam nhẫn. Ba loại nhẫn đều thành tựu thì gọi là nhẫn lực thành tựu.

Năm 2018, tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ nhất, đã nói về mười loại nhẫn của Phật Bồ-tát, đó là: nội tâm nhẫn, ngoại nhẫn, pháp nhẫn, tùy Phật giáo nhẫn, vô phương sở nhẫn, tu xứ xứ nhẫn, phi sở vi nhẫn, bất bức não nhẫn, bi tâm nhẫn, thệ nguyện nhẫn. Lần đó đã giới thiệu về mười nhẫn, lần này sẽ không nói chi tiết nữa, lần này sẽ nói về nhận thức và thể hội của tôi đối với nhẫn lực thành tựu, xin chia sẻ với các đồng tu.

Tôi là người có tính cách kiên cường khí khái, thà chết chứ không luôn cúi. Nhưng tôi không phải là người không phân rõ phải trái, cả đời tôi không cãi nhau với người, không mắng người, không nói lời dơ bẩn, tôi phục đạo lý chứ không phục sự áp chế, bạn dùng lý phục người thì tôi phục bạn, bạn dùng quyền và thế ép buộc người thì tôi tuyệt đối không phục bạn, cảm thấy bất bình cho nhóm người yếu thế là một trong những đặc điểm tính cách của tôi. Nguyên tắc đối nhân xử thế của

tôi là: cao không kết thân, thấp không chà đạp. Người có tính cách giống tôi thì hẳn là một việc rất khó khăn, gặp phải sự việc mà không thể nhẫn được thì làm sao đây? Tôi xin chia làm các giai đoạn mà nói.

Giai đoạn thứ nhất là không nhẫn, đối chọi lại, kẻ sĩ thà chịu chết chứ không chịu nhục. Năm 1964 tôi tham gia công tác, làm giáo viên dạy thay tại một trường tiểu học, năm đó tôi 19 tuổi. Năm 1965, chi bộ Đoàn tính đưa tôi vào Đoàn, mở cuộc họp giám định, nhưng tôi không được phê chuẩn, lúc đó vị bí thư chi bộ Đoàn họ Cung nói với tôi rằng, cô Lưu, cô không được phê chuẩn vào Đoàn, có vài giáo viên cùng phe với nhau hạ cô xuống. Nhìn thấy bộ dạng khó xử của vị bí thư chi bộ Đoàn, tôi nói với cô ấy, không phê chuẩn thì thôi, cô hãy đưa hồ sơ cho tôi, sau khi cô ấy đưa hồ sơ cho tôi, ngay trước mặt cô ấy tôi xé bỏ toàn bộ hồ sơ, đây chính là cách thức đối chọi lại của tôi, năm đó tôi 20 tuổi. Năm 1966, đại cách mạng văn hóa, tôi bị phê bình, bị chống đối, trong tâm tôi không phục. Lúc đi làm tôi mang theo con dao găm, trong tâm nghĩ, các người ra tay nhẹ thì ta không phản ứng, nếu các người nặng tay thì ta liều mạng với các người, năm đó tôi 21 tuổi. Năm 1977, tổng chi bộ Đảng của sở giáo dục xưởng Đông An tính đưa tôi vào Đảng, lại gặp phải vấn đề như cũ, bí thư Trần và sở trưởng Đình tìm tôi nói chuyện, nói có người trong cuộc họp nêu ra 3 vấn đề thuộc về nguyên tắc, cho nên họ đã không duyệt [hồ sơ của tôi]. Ba vấn đề đó là: mở rộng Đoàn viên đi cửa sau, lúc đó tôi là bí thư đoàn ủy, bao che thầy Trương nào đó, là một giáo viên dạy thay bị bệnh tim, bao che thầy giáo Trần, là một giáo viên phạm sai lầm trong cuộc sống, tôi nghe xong lửa giận bốc lên. Đưa hồ sơ cho tôi, bí thư Trần hỏi, cô cần hồ sơ làm gì, tôi nói xé bỏ, hỏi tôi vì sao xé bỏ, tôi nói, không phê chuẩn thì khác gì mớ giấy vụn đâu, để lại làm gì. Bí thư và sở trưởng hỏi tôi có yêu cầu gì, tôi nói, hãy mở một tổ điều tra, đem ba vấn đề của tôi điều tra cho rõ đi, điều tra rõ rồi thì tùy các ông xử lý, năm đó tôi 32 tuổi. Họ thật sự mở một tổ điều tra, vấn đề được điều tra rõ rồi, bảy ngày sau, tổng chi bộ Đảng cân nhắc lại rồi thông qua, ngày quốc tế phụ nữ 8/3/1977 tôi vào Đảng, không có thời gian thử thách, sau khi được phê chuẩn thì thành Đảng viên chính thức, trước đợt tôi một kỳ và sau đợt tôi một kỳ đều có thời gian thử thách. Lần đó lại có người lên tiếng, cô ấy vì sao lại vừa khéo như thế, ngay cả thời gian thử thách cũng không có, nói ra cũng lạ, lần đó vào Đảng chỉ có mình tôi, lại chẳng có thời gian thử thách, tôi cũng không biết là vì sao. Có người hỏi tôi, tôi nói là do tốt số, tôi nói lời này cũng rất khiến người ta tức giận. Tôi hết sức cảm ơn hai

vị lãnh đạo cũ của tôi là sở trưởng Đinh và bí thư Trần, tinh thần trách nhiệm đối với người và việc của họ khiến tôi vĩnh viễn khó quên, đáng tiếc là họ đã không còn nữa, tôi không cách nào để báo đáp họ. Điều an ủi là người giới thiệu tôi vào Đảng là chị Vương vẫn còn sống khỏe mạnh, chị ấy đã 88 tuổi rồi, chị ấy học Phật rất kiên thành, nói với tôi rằng: Tô Vân, em đến thế giới Cực Lạc, đừng bỏ chị lại phía sau nhé. Hai người chúng tôi thường gọi điện thoại cho nhau, tôi chúc chị khỏe mạnh sống lâu, đời này thành tựu.

Giai đoạn thứ hai, tôi vì sao phải nhẫn. Những năm đó, tôi gặp phải rất nhiều vấn đề thị phi khiến tôi chán ghét, có chuyện hoàn toàn là bịa đặt, thứ tôi đời này ghét nhất là dựng chuyện thị phi, tôi cũng không biết tạo chuyện thị phi. Có một lần, một học sinh của tôi nói với tôi: Thưa cô, người ta sỉ nhục cô đến mức như vậy, vì sao cô có thể nhẫn được vậy? Vì sao cô không đứng dậy lên tiếng, cô không nói thì em sẽ nói thay cô. Nghe lời này, tâm của tôi liền động, tôi hỏi chính mình, vì sao mình phải nhẫn chứ, tôi thật sự muốn bắt đầu phản kích, nhưng vì tôi vẫn còn khá lý trí, sau khi bình tĩnh trở lại, tôi nghĩ xã hội này đã rất loạn rồi, sao lại làm loạn thêm nữa làm gì, vì sao tôi phải nhẫn? Là vì tôi không muốn xã hội loạn thêm nên tôi phải nhẫn. Người ngay thì vốn ngay, kẻ gian thì vốn gian rồi, thôi kệ họ đi.

Giai đoạn thứ ba là nghe kinh nghe pháp, học tập tấm gương, thuận lợi vượt qua thử thách lớn. Từ năm 2000 đến hiện nay, có thể nói thế này, tôi từ trong lời phê bình, phê phán, công kích, chửi rủa mà trưởng thành, chín chắn. Tôi thật lòng cảm tạ những người đã giúp tôi trưởng thành và chín chắn, họ là đại thiện tri thức của tôi, nếu không có sự giúp đỡ của họ tôi sẽ không có thành tựu của ngày hôm nay. Tôi sở dĩ có thể thuận lợi vượt qua cửa ải nhẫn nhục, chủ yếu là nhờ nghe kinh nghe pháp, và tác dụng của tấm gương từ lão pháp sư. Nghe kinh nghe pháp, tôi biết được mười loại nhẫn của Phật Bồ-tát, tôi nhắc nhở bản thân rằng, chẳng phải mình muốn học Bồ-tát, học Phật sao? Nhẫn nhục của Phật Bồ-tát, mình có thể học được không? Không học được thì đừng nói đến học Phật nữa. Tuy vượt qua cửa ải nhẫn nhục rất khó, nhưng tôi muốn học Phật, học Bồ-tát thì cửa ải này tôi buộc phải vượt qua. Hai mươi năm nghe lão pháp sư giảng kinh, mười năm thân cận gần gũi lão pháp sư, tâm lượng lớn của lão pháp sư khiến tôi không tìm ra được lời phù hợp để nói, dùng bất kỳ lời nào để hình dung tâm lượng lớn của lão pháp sư đều không thể nói được. Cái gọi là nhẫn nhục mà chính tôi trải qua so với sự nhẫn nhục của lão

pháp sư thì không cách gì sánh nổi, còn không ví bằng giọt nước trong biển cả, tấm gương ở ngay trước mặt.

Giai đoạn thứ tư là không có gì để nhẫn, bạn nhẫn việc gì cơ chứ? Chú ý, điều tôi nói ở đây là, không có gì để nhẫn, không phải là nhẫn điều không thể nhẫn, đừng làm sai thứ tự. Từ khi ông nhà tôi vãng sanh cho đến nay, thời gian khoảng một năm rưỡi, bản thân tôi cảm thấy tâm lượng của tôi lại lớn hơn một chút, biểu hiện ở chỗ nào vậy? Ý niệm về nhẫn cũng không có, nhẫn là trong tâm có người và việc gây khó khăn nên mới phải nhẫn, nếu không có người và việc gây khó khăn thì bạn còn nhẫn gì nữa? Chẳng có gì để nhẫn cả, có phải vậy không? Hiện nay đối với nhẫn nhục tôi nhận thức như sau, nếu như hiện nay bạn vẫn còn ý niệm về nhẫn thì cho thấy bạn chưa hoàn toàn triệt để qua được cửa ải nhẫn nhục, nếu bạn vẫn còn hành vi nhẫn nhục thì càng cho thấy rõ bạn vẫn chưa qua được cửa ải. Bạn không còn ý niệm về nhẫn nữa thì bạn đã triệt để qua được cửa ải rồi. Vài ngày trước, con gái đến thăm tôi, chẳng hiểu sao nó lại nổi nóng một trận với tôi, lời nó nói tôi cũng nghe không hiểu, nếu như trước đây thì tôi sẽ hỏi nó có việc gì vậy? Lần này ngay cả hỏi tôi cũng không hỏi, nó rùm beng đủ rồi thì không việc gì nữa, tôi cũng không sao, thiên hạ thái bình, bạn xem như vậy tốt biết bao. Phật pháp là tự mình gánh lấy hết thảy khổ nạn, còn hết thảy công đức, hạnh phúc thì cùng hưởng với tất cả chúng sanh. Nhẫn lực thành tựu là cương lĩnh tu học hết sức quan trọng, nhất định phải ghi nhớ cho thật chắc.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

U' chur hữu tình, thường hoài từ nhẫn, hòa nhan ái ngữ, khuyên dụ sách tấn, cung kính Tam bảo, phụng sự sư trưởng, vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm.

Đối với tất cả chúng sanh thường có lòng từ nhẫn, hòa nhan ái ngữ, khuyên nhủ sách tấn, cung kính Tam bảo, phụng sự sư trưởng, không có tâm giả dối, nịnh nọt.

Đại ý của đoạn kinh văn này là đối với tất cả chúng sanh, trong tâm thường nhớ nghĩ đại từ và an nhẫn. Đối với người khác vui vẻ hòa nhã, chính là câu “nhan sắc thường hòa” trong kinh. “Ái ngữ” là một trong tứ nhiếp pháp, để nhiếp thọ chúng

sanh thì phải thực hành tứ nhiếp pháp là: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Khéo léo uyển chuyển dùng lời lành mà nói.

“Khuyến dụ sách tấn”, khuyến nhủ, động viên, giúp họ khai Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến.

Bản thân thì tận đời vị lai, vĩnh viễn cung kính Tam bảo: Phật Pháp Tăng; tôn trọng phụng sự sư trưởng, phục vụ sư trưởng. Trong câu kinh văn “phụng sự sư trưởng” nhất định bao gồm “hiếu thuận cha mẹ”, cha mẹ chính là trưởng bối. Bản thân không có mảy may tâm hư ngụy siểm khúc, không có một chút tâm hư giả, giả dối, nịnh nọt bợ đỡ. Thế nên kinh Duy-ma-cật nói: “Trực tâm là Tịnh độ của Bồ-tát”. Giải thích ra là, trực tâm là tâm thẳng thắn không nịnh bợ, tâm ấy còn là cái gốc của vạn hạnh.

Kinh Niết-bàn nói: “Trong hết thảy ác sự thì hư vọng là gốc”, thế nên chính trực không bợ đỡ là gốc của vạn hạnh. Hai sự tương quan so sánh này hết sức quan trọng, cho nên học Phật chẳng phải là phải viết luận văn, phải làm nhà Phật học, thăng tòa thuyết pháp, mà là cần có sự tu hành chân thật, trở thành mẫu mực thì mới là đại tượng phu.

Tiếp theo xin giới thiệu đơn giản cho mọi người về tứ nhiếp pháp.

Tứ nhiếp pháp là bốn loại phương pháp để Bồ-tát nhiếp thọ chúng sanh. Đó là: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

Bố thí nhiếp, đối với người có tâm nặng về tiền tài thì dùng tài bố thí, đối với người có tâm cầu tri thức thì dùng pháp bố thí, khiến cho tình cảm của đôi bên ngày một sâu hơn, tục ngữ gọi là siết chặt tình cảm, đạt đến mục đích độ hóa đối phương.

Ái ngữ nhiếp thì tùy theo căn tánh của chúng sanh mà dùng lời nói ôn hòa từ ái đối đãi, khiến họ sanh tâm hoan hỷ, cảm thấy bạn thân thiện đáng tin, muốn thân cận bạn, đạt được mục đích độ hóa chúng sanh. Ái ngữ không phải là nói lời đường mật để dụ hoặc người, mà là sự từ bi từ trong tâm chân thành tự nhiên流露 ra.

Lợi hành nhiếp là người tu Bồ-tát đạo thì các hạnh của thân khẩu ý đều làm lợi ích cho người, dùng hành động tổn mình lợi người mà cảm hóa chúng sanh cùng tu đạo, nhằm đạt mục đích độ hóa chúng sanh.

Đồng sự nhiếp là người tu Bồ-tát đạo phải thâm nhập vào các tầng lớp xã hội, tiếp xúc với người trong các ngành các nghề, làm bạn với họ, làm đồng nghiệp với họ, trong các trường hợp khế cơ khế duyên mà độ hóa họ. Độ chúng sanh phải tùy duyên mà độ hóa một cách tự nhiên, không thể phan duyên cưỡng cầu mà độ hóa.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Trang nghiêm chúng hạnh, quĩ phạm cụ túc, quán pháp như hóa, tam-muội thường tịch. Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá; thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi; thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.

Trang nghiêm các hạnh, hành vi lời nói mẫu mực, quán các pháp như huyễn hóa, trụ vào tam-muội thường tịch. Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.

Đoạn kinh văn này là phương diện kỹ luật bản thân của Bồ-tát Pháp Tạng, cũng chính là sự hành trì trên phương diện tự giác. Người tu đạo đối với hưởng thụ cuộc sống của chính mình, nhu cầu về tiếng tăm, địa vị càng thấp càng tốt. Đối với sự giác ngộ của bản thân thì càng cao càng tốt. Pháp Tạng đại sĩ yêu cầu bản thân đầy đủ phước huệ trang nghiêm, triệt để giác ngộ, dùng thân mà hoằng đạo, vĩnh viễn làm gương, thật sự là bậc mô phạm cho vạn đời.

“Trang nghiêm chúng hạnh, quĩ phạm cụ túc”

Tám chữ này bao la vạn tượng, tất cả thân hành ngôn giáo của chư Phật Như Lai đều được bao gồm trong một câu này. Chúng hạnh là tỏ rõ hết thảy sự hành trì trong lục độ vạn hạnh. Trang nghiêm, kinh Niết-bàn nói có hai loại trang nghiêm, “trang nghiêm là phước trí nhị nghiêm”. Một là phước huệ, hai là phước đức. “Trang nghiêm chúng hạnh” chính là dùng phước đức và trí tuệ để trang nghiêm hết thảy hạnh trong lục độ vạn hạnh của chính mình. Cũng chính là nói trong tất cả hạnh đều bao gồm phước và trí, đều đầy đủ phước trí, ở đây biểu thị diệu hạnh thành tựu của đại sĩ.

“Quĩ phạm”, quĩ là phép tắc, phạm là mô phạm. Do vì hết thảy hạnh đều đầy đủ phước trí, cho nên ngôn giáo đều theo phép tắc, hành vi lời nói trở thành khuôn mẫu [cho đại chúng], thế nên nói rằng “quĩ phạm cụ túc”.

“Quán pháp như hóa”

Kinh Kim Cang nói: “Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng”. “Hóa” chính là huyễn hóa. “Quán”, chúng ta thường gọi là tác quán, quán tưởng, kỳ thực từ “quán” này rất sâu, chính là từ “quán” trong Quán Tự Tại Bồ-tát. Lìa khỏi tất cả tình thì mới gọi là quán, “quán” chính là tên gọi khác của trí tuệ.

Quán và tưởng cũng là như vậy, có tâm thì gọi là tưởng; lìa niệm, vô tâm thì gọi là quán. “Quán tưởng” mà thông thường hay nói đều không đạt đến mức “quán”, đó chỉ là nghĩ tưởng mà thôi. Quán và chiếu đều là cao sâu, tưởng chính là thô thiển. Vì vậy chúng ta đều biết rằng năm uẩn đều không, nhưng không thể vượt qua hết thấy khổ ách, chính là những gì bạn hiểu đều nằm trong phạm trù của “tưởng”, đối với “ngũ uẩn giai không” đã nghĩ sáng tỏ rồi, nhưng không phải là soi thấy được năm uẩn đều không, nếu như là “chiếu kiến” được thì sẽ vượt qua tất cả khổ ách. Thế nên “quán pháp như hóa” chính là soi thấy tất cả pháp đều đồng như huyễn hóa, đều do nhà ảo thuật biến ra, còn có gì đáng để chấp trước chứ?

“Tam-muội thường tịch”

Tam-muội chính là chánh định. “Thường” chính là chân thể lìa khỏi tướng sanh diệt, lìa hết các tướng phiền não thì gọi là “tịch”. Do bởi soi thấy tất cả đều là huyễn hóa, nên trên bản thể đã trừ hết danh tướng, không có phiền não, bất sanh bất diệt, trụ vào tam-muội thường tịch thậm thâm.

Trọng điểm tiếp theo nói về khéo giữ ba nghiệp: thân khẩu ý.

“Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm”.

Những câu nói này thường được Thế Tôn nói đến trong các kinh luận Đại Tiểu thừa, không biết đã nói bao nhiêu lần rồi, nhưng thứ tự sắp xếp đều là: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Kinh Vô Lượng Thọ không như thế, mà sắp xếp theo thứ tự khẩu, thân, ý. Ở đây liệu chúng ta có thể lĩnh hội được dụng ý của Thế Tôn chăng? Tam nghiệp rất dễ tạo, đặc biệt là khẩu nghiệp, cho nên đem khẩu nghiệp đặt ở vị trí đầu tiên, dụng ý này rất sâu, vạn phần chớ nên xem thường khẩu nghiệp. Trong một đời người, khẩu nghiệp mang đến cho bạn vô lượng lỗi lầm, nghiêm trọng thì đọa vào Vô gián địa ngục.

Ví dụ như phá hòa hợp tăng thì khẩu nghiệp chiếm nhiều nhất, những thứ tạo ra chính là nghiệp nhân đọa địa ngục. Vì sao vậy? Bởi vì tăng đoàn hòa hợp đáng quý, khu vực này có một tăng đoàn hòa hợp xuất hiện thì được sự gia trì của thần hộ pháp trong Tam bảo, khu vực này sẽ không có tai nạn, bạn xem công đức ấy lớn biết bao. Nếu như bạn phá hoại tăng đoàn hòa hợp này, bạn nói xem tội nghiệp của bạn sẽ lớn bao nhiêu?

“Khéo giữ khẩu nghiệp”. Trong ba nghiệp thì khẩu nghiệp rất dễ phạm, cho nên cần phải khéo gìn giữ, chủ yếu là không chê lỗi người. Chê chính là khiển trách, phỉ báng, không được chê cười lỗi lầm của người khác. Khẩu nghiệp và ý nghiệp có quan hệ liên đới. Khẩu nghiệp không nói lỗi lầm của người khác, trên thực tế là ý nghiệp không thấy lỗi lầm của người khác. “Hết thấy đều là Phật”, kinh Thủ Lăng-nghiêm nói: “Hết thấy sự đều rốt ráo kiên cố”, đây chính là cái gốc của việc không thấy lỗi của người khác, không thấy lỗi của người khác chứ không phải trở thành kẻ hồ đồ. Có hai câu nói như sau rất phù hợp: “Giỏi phân biệt tướng của các pháp, mà bất động với đệ nhất nghĩa”. Khéo phân biệt nhưng không hề dao động nơi đệ nhất nghĩa, bất động nơi đệ nhất nghĩa nhưng vẫn khéo phân biệt tướng của các pháp. Tóm lại đều không rơi vào bên nào cả, đây mới là trung đạo.

“Khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi”. Luật chính là giới luật, nghi là nghi tắc, nghi thức, nghi quỹ. Phương pháp phòng ác ngừa quấy gọi là giới luật, y theo giới luật mà hành động thì gọi là luật nghi. Kinh Anh Lạc nói: “Hết thấy chúng sanh vừa nhập vào biển Tam bảo, lấy tín làm gốc; sống trong nhà Phật, lấy giới làm gốc”. Giới là căn bản, cho nên khéo giữ thân nghiệp, nghiêm giữ tịnh giới, trở thành bậc mô phạm của trời người.

“Khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm”. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, khéo giữ ý nghiệp là chính yếu, “đó chính là Bồ-tát khéo giữ niệm của mình”, ý niệm của chính mình, đây là chánh hạnh. “Do bởi khế nhập sâu vào trung đạo, chánh định thường tịch, liễu đạt nguồn chân, viễn ly sanh diệt, tự nhiên viễn ly hết thấy cấu nhiễm phiền não, nhân đó ý nghiệp thanh tịnh vô nhiễm”. Đây là một đoạn quan trọng nhất trong chú giải. Chúng ta vì sao phải làm như vậy? Đây chính là vì khéo giữ ý niệm chính là khế nhập sâu vào trung đạo. Trung đạo là không trụ vào hai bên, chính là thanh tịnh vô nhiễm, tương ứng với “thanh tịnh, bình đẳng, giác” trong đề kinh. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là đại Bồ-đề tâm chân thật.

Chúng ta không có năng lực, chúng ta không khéo giữ được, nên bắt đặc dĩ dùng danh hiệu A-di-đà Phật để thay thế, đây là phương tiện thù thắng không gì sánh bằng của Tịnh tông, và cũng chỉ có pháp môn này có mà thôi, trong các pháp môn khác không có.

“Ý nghiệp thanh tịnh thì thân khẩu sẽ theo đó mà thanh tịnh”. Nói về khẩu nghiệp thì không chê lỗi người, sẽ không phê bình người, sẽ không chế giễu người, sẽ không hủy báng người. Chúng ta xoay chuyển ý niệm trở lại, chỉ lo quản chính mình thì có thể không chê lỗi người. Nhất định phải chính mình hồi đầu, chính mình phải phản tỉnh, thời thời khắc khắc phản tỉnh, thời thời khắc khắc sửa đổi lỗi lầm của chính mình, đó chính là ý niệm.

“Khẩu nghiệp không chê lỗi người thật sự là do ý nghiệp không thấy lỗi người”, lời này nói rất hay. Nếu người chân thật tu đạo thì không thấy lỗi thế gian, đây là lời đại sư Huệ Năng nói. Những người tu hành không biết người khác có lỗi làm chằng? Họ biết, họ nhìn thấy lỗi của người khác, nhưng họ không nghĩ người khác mà họ quay đầu lại nghĩ về chính mình, mình có lỗi làm này hay không? Nếu có thì mau chóng sửa đổi, nếu không có thì niệm A-di-đà Phật.

Thấy lỗi người trên thực tế chính là lỗi lầm của chính mình, không nhìn thấy lỗi người thì không nhìn thấy mình lỗi. Công phu tu hành phải luyện tập từ chỗ này. Không có những người đó biểu diễn thì chúng ta đến đâu tu hành đây, cho nên bất luận họ thị hiện thiện, thị hiện bất thiện thì thấy đều là Bồ-tát đại từ đại bi đến dạy dỗ một mình tôi, họ không phải dạy người khác mà là dạy tôi, mình phải hoàn toàn tiếp nhận. Sau khi tiếp nhận, nếu có thì sửa, không thì cố gắng hơn.

“Hết thấy đều không lỗi, vốn tự không cầu nhiễm, vốn tự thanh tịnh như vậy, vốn tự viên thành”. Bốn câu này hoàn toàn là minh tâm kiến tánh, là cảnh giới của đại Bồ-tát, Pháp thân Bồ-tát nhìn thấy. Hết thấy đều không có lỗi lầm, chẳng những không có lỗi lầm mà tất cả đều chẳng phải chân thật, đều là giả. Kinh Bát-nhã nói cho chúng ta rằng: “Hết thấy pháp đều vô sở hữu, rốt ráo không, không thể đạt được”, thì còn có lỗi lầm gì chứ, có ô nhiễm gì chứ? Nói cách khác, lỗi lầm và ô nhiễm từ đâu mà đến? Là từ vọng niệm của chúng ta mà đến. Trong tâm của bạn có những vọng niệm này thì vĩnh viễn không nhìn thấy thật tướng của các pháp. Vì sao vậy? Bạn chính mình tạo ra một chướng ngại, đó chính là khởi tâm động niệm, phân

biệt, chấp trước. Sự chướng ngại này ngăn bạn vĩnh viễn không thể kiến tánh, công phu niệm Phật vĩnh viễn không thể thành tựu, không nhìn thấu.

Bốn câu này và ý của ba chữ trong kinh Thủ Lăng-nghiêm là như nhau, chính là nghĩa “hết thấy sự đều rất ráo kiên cố”. Bạn xem xem hết thấy pháp của vạn sự vạn vật thấy đều không có lỗi lầm thì lấy đâu ra lỗi lầm chứ.

Tôi đã dùng thời gian ba giờ đồng hồ giảng hoàn tất kinh văn phẩm thứ tám “tích công lũy đức đệ bát”. Tiếp theo chúng tôi xin đem những điểm quan trọng trong phẩm kinh văn này sắp xếp lại như sau.

Trọng điểm thứ nhất: “trụ chân thật huệ”.

Kinh Vô Lượng Thọ, trong một bộ kinh xuất hiện ba thứ chân thật, là chân thật chi tế, chân thật chi lợi, chân thật chi huệ, đây là điều độc nhất vô nhị trong Đại Tạng Kinh. Cho thấy kinh Vô Lượng Thọ trong toàn bộ Phật pháp có địa vị và tác dụng quan trọng.

“Chân thật chi huệ” là một trong ba thứ chân thật, thứ có thể hiển bày chân thật chi tế, ban cho lợi ích chân thật chính là chân thật chi huệ. Mấy câu này đã nói thấu về chân thật huệ. Trí tuệ chân thật là tự tánh khởi tác dụng, phần trước chúng tôi đã giới thiệu khái quát đặc điểm của tự tánh rồi, đó là: tự tánh không tịch, lia các đường ác; tự tánh diệu viên, đầy đủ tướng hảo; tự tánh vô ngại, thần thông tự hiện; tự tánh vô trụ, không thể đoạn diệt; tự tánh vô tác, không có hạn lượng; tự tánh vô ngoại, như gió phủ rộng; tự tánh vô nội, như gương hiện khắp; tự tánh quang minh, như mặt trời chiếu khắp; tự tánh bình đẳng, như hương xông khắp.

Thế nào là chân thật huệ? Biết rõ bản tâm, thấy bản tánh mình, đây gọi là minh tâm kiến tánh, đây gọi là huệ, đây là chân thật huệ.

Ba thứ chân thật có quan hệ như thế nào? Chân thật chi tế là nguồn gốc của chân như thật tướng rốt ráo triệt để, trong Phật pháp Đại thừa chính là minh tâm kiến tánh. Chân thật chi lợi chính là mục đích chân thật của việc Như Lai xuất hiện ở thế gian, chính là khiến tất cả hàm linh đều được độ thoát, là Nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh thâm nhiếp đủ vạn loài, là pháp môn Tịnh độ nhiếp trọn ba căn, đây chính là lợi ích chân thật đối với chúng sanh. Chân thật chi huệ có thể hiện rõ bản thể của chân thật chi tế, lưu xuất diệu dụng của chân thật chi lợi, đây chính là toàn thể đại dụng của chân thật chi huệ. Ba thứ chân thật hợp lại chính là một thứ chân

thật, một mà ba, ba mà một. Ba thứ chân thật của kinh này có thể sánh với tam đức của Niết-bàn. Chân thật chi tế là pháp thân đức, chân thật chi lợi là giải thoát đức, chân thật chi huệ là Bát-nhã đức. Chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật, đạt được trí tuệ chân thật viên mãn rất ráo.

Trọng điểm thứ hai: “nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”.

Vì sao cõi nước Phật của A-di-đà Phật là diệu độ? Là do A-di-đà Phật trang nghiêm. Làm thế nào trang nghiêm? Do nhất hướng chuyên chí mà trang nghiêm, trước nay chưa từng gián đoạn. Thế giới Tây Phương Cực Lạc đã được kiến lập 10 kiếp rồi, A-di-đà Phật đã trang nghiêm 10 kiếp rồi. A-di-đà Phật dùng thái độ gì để trang nghiêm cõi nước Phật vậy? Chuyên chí và nhất hướng, hai từ này vô cùng quan trọng, không phải một ngày hai ngày, một năm hai năm chuyên chí, mà là nhất hướng chuyên chí, điều này khó được.

A-di-đà Phật làm thế nào để trang nghiêm diệu độ? Dùng mỹ và thiện để làm trang sức, dùng hết thảy diệu đức làm trang sức, diệu đức này có thể trang nghiêm, có thể làm sự việc trang nghiêm, diệu độ là thứ được trang nghiêm. Chúng ta phải hiểu rõ một đạo lý: hết thảy vô ngã là lý, trang nghiêm cõi Phật là sự, tuy rằng không có ngã, cũng không có cõi nước, thế nhưng vẫn nhất hướng chuyên chí trang nghiêm. Tuy có đủ mọi diệu tướng, nhưng ngay tướng mà lìa tướng, ngay thể chính là không.

Trọng điểm thứ ba: “siêu thắng độc diệu”.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc của A-di-đà Phật so với cõi nước của chư Phật khác thì có chỗ nào khác biệt, độc đáo đặc sắc, vi diệu không thể tả xiết vậy? Đáp án tham khảo là bảy sự việc trong tập thứ 41. Thứ nhất, pháp thân Phật, báo thân Phật, ứng hóa thân Phật, một Phật ba thân, ba thân một Phật. Thứ hai, quang minh thọ mạng của thân Phật vô lượng, vượt hơn chư Phật. Thứ ba, công đức danh hiệu thù thắng khó nghĩ bàn. Thứ tư, Ngũ thừa đồng nhập vào Báo độ. Thứ năm, hàng Nhị thừa, căn khuyết và người nữ nhanh chóng chuyển thành Nhất thừa. Thứ sáu, vãng sanh chánh nhân dễ tu dễ đạt được. Thứ bảy, sau khi vãng sanh chứng quả rất nhanh rất cao.

Trọng điểm thứ tư: trong vô lượng kiếp vun trồng đức hạnh.

A-di-đà Phật trong vô lượng kiếp vun trồng đức hạnh, dùng đức hạnh để thành tựu thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đang vun trồng điều gì vậy? Chúng ta đang vun trồng nghiệp nhân của lục đạo luân hồi mà không hay biết, thật là kẻ đáng thương xót!

Trọng điểm thứ năm: hành tịch tĩnh hạnh, viễn ly hư vọng, y chân đế môn, thực chứng đức bản. Hàm nghĩa sâu sắc của bốn câu này là gì? Đối với việc chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng gì? Bạn trong cuộc sống thực tế làm thế nào thực hiện bốn câu này?

Trọng điểm thứ sáu: danh chiêu vạn đức, danh hiệu gồm có vạn đức và danh hiệu gồm thân vạn đức thì có chỗ tương đồng và khác biệt ra sao? Bạn làm thế nào lý giải câu nói “danh hiệu gồm thân vạn đức”?

Trọng điểm thứ bảy: nhân lực thành tựu.

Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của nhân lực thành tựu. “Tất cả pháp thành tựu nhờ nhân”, người không thể nhân thì một việc cũng chẳng thành, người có thể nhân mới chân thật là đại trượng phu, bạn có công nhận lý niệm như vậy không? Hãy dùng trải nghiệm của bản thân mình mà kiểm nghiệm xem bạn đã qua được cửa ải nhân nhục thế nào rồi? Hãy nêu ra ví dụ thực tế của bạn, bạn đã nhân được những gì? Nhân điều không thể nhân và không có gì để nhân khác biệt ở chỗ nào? Trạng thái hiện giờ của bạn là gì?

Trọng điểm thứ tám: chúng sanh thời mạt pháp càng cường khó giáo hóa, bạn dùng thái độ gì đối đãi với họ? Đối với các hữu tình, thường giữ tâm từ nhân, hòa nhan ái ngữ, khuyến bảo sách tấn, bạn đã làm được mấy điều rồi? Đối với người càng cường khó giáo hóa, liệu bạn có bỏ mặc không ngó ngang không? Hay là dùng trí tuệ tiếp tục giáo hóa họ? Chư Phật Bồ-tát giáo hóa chúng sanh thì không bỏ một người nào.

Trọng điểm thứ chín: khéo giữ ba nghiệp: khẩu nghiệp, thân nghiệp, ý nghiệp. Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm. Bốn câu này trong các kinh Đại thừa thường nói đến, không biết mấy người làm được? Nếu không khéo giữ thân khẩu ý nghiệp thì không đến được Tây Phương Cực Lạc đâu. Bạn đã nhận thức được tầm quan trọng của việc khéo giữ ba nghiệp hay chưa? Vạn phần chớ lại xem đây là

việc nhỏ không ảnh hưởng đến đại cục. Mỗi ngày đều nói không chê lỗi người, nhưng chỉ nói mà không làm thì có nói nhiều đến đâu cũng vô ích. Sống hồ đồ chộn rộn, hãy ngậm cái miệng lại, quản lý tốt cái lưỡi, nhất tâm niệm Di-đà, mới đến Cực Lạc được.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!